

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HS-ST

Ngày 30 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy D.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Kỳ.

Ông Đoàn Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2023/TLST-HS ngày 30/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HS 08/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/HSST-QĐ ngày 21/11/2023, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Vũ Đình S** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/4/1990 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034090008XXX; con ông Vũ Đình T và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Đoàn Thị Minh H; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

2. Bị cáo: **Nguyễn Văn D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/11/1996 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034096013XXX; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H; chưa có vợ; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

3. Bị cáo: **Nguyễn Minh T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/4/1986 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034086002XXX; con ông Nguyễn Duy B và bà Lê Thị N; có vợ là Lưu Hồng M; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

4. Bị cáo: **Trần Đức T1** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/7/1987 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034087013XXX; con ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Hải N; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/10/2016, Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 79/QĐ-CA xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 14/11/2016); bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

5. Bị cáo: **Vũ Đình L** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/9/1982 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034082001XXX; con ông Vũ Hữu Đ và bà Trần Thị N; có vợ là Trần Thị N; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

6. Bị cáo: **Nguyễn Văn G** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/01/1985 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034085006XXX; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị H; chưa có vợ; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: 1- Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2006, tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 452, Lữ đoàn XXX, Vùng 4, Hải Quân. Ngày 20/4/2009, Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 105/QĐ/XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với G về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 21/4/2009); bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

7. Bị cáo: **Nguyễn Quang D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/5/1982 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 034082002XXX; con ông Nguyễn Duy T và bà Phan Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn); có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 3/2002 đến tháng 01/2004 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Đảo Thổ Chu, Vùng X, Hải Quân; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Vũ Thị Thuý H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 29/7/2023, Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đến nhà chị Vũ Thị Thuý H ở thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình để chơi và uống nước. Khoảng 15 phút sau, chị H đi ngủ. Thấy nhà thờ của gia đình chị H không khoá, trước bàn thờ trải sẵn một chiếc chiếu tre, trên cửa sổ nhà thờ của 01 bộ bài T1 lơ khơ 52 quân nên S, D, T, T1, L, G và D cùng rủ nhau vào gian nhà thờ để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” và thống nhất luật chơi như sau: Một người chia bộ bài tú lơ khơ 52 quân cho mỗi người chơi 03 quân bài, mỗi người chơi góp vào giữa số tiền 10.000 đồng gọi là góp gà. Sau đó, người chơi lên bài và có thể đặt cược thêm tùy thuộc vào 03 lá bài được chia. Người cầm cái là người tổ đầu tiên sau đó đến người bên cạnh theo chiều ngược kim đồng hồ. Tới lượt, nếu người chơi thấy 03 lá bài của mình đẹp, khả năng giành phần thắng cao thì có thể chọn tổ và cược thêm tiền còn nếu bài xấu thì có thể từ bỏ không tham gia vào cuộc chơi nữa và mất hết số tiền đã đặt cược ban đầu. Bài cao nhất là bài có 03 cây cùng giá trị gọi là sấp, ví dụ (A; A; A); sau đó đến bài có 03 cây liên tiếp với nhau gọi là liêng, ví dụ (J; Q; K); sau đó đến bài có 03 cây toàn đầu người không liên tiếp gọi là ảnh, ví dụ (J; J; Q); cuối cùng là tính điểm. Ván bài kết thúc khi hết lượt mà không ai tổ hay còn 01 người không bỏ bài. Người theo bài cuối cùng là người thắng bạc và được hết số tiền mà người chơi không theo cược. Mỗi lần tổ thấp nhất là 10.000 đồng, tổ cao nhất là 200.000 đồng. T lấy bộ bài trên cửa sổ xuống và chia ván đầu tiên. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang, thu giữ, quản lý trên chiếu bạc số tiền cả nhóm sử dụng để đánh bạc là 7.700.000 đồng và 01 bộ bài T1 lơ khơ 52 quân, 01 chiếu tre kích thước (1,95x1,57)m, (đã qua sử dụng).

Tại cơ quan điều tra, Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và khai nhận: Số tiền S mang theo và sử dụng để đánh bạc là

1.700.000 đồng, số tiền D mang theo và sử dụng để đánh bạc là 1.500.000 đồng, số tiền T mang theo và sử dụng để đánh bạc là 1.200.000 đồng, số tiền T1 mang theo và sử dụng để đánh bạc là 1.000.000 đồng, số tiền L mang theo và sử dụng để đánh bạc là 1.000.000 đồng, số tiền G mang theo và sử dụng để đánh bạc là 700.000 đồng, số tiền D mang theo và sử dụng để đánh bạc là 600.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được xác định là 7.700.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, tiền đánh bạc cả nhóm để dưới chiếu nên không rõ thắng, thua.

Quá trình đánh bạc, không có ai khởi xướng rủ rê, không có ai chuẩn bị công cụ để đánh bạc, không có ai thu tiền hồ, không bố trí người canh coi cảnh giới, không có ai cho vay, cầm cố tài sản để đánh bạc.

Cáo trạng số 82/CT-VKSVT ngày 19/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, Điều 50, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đình S mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt bổ sung từ 07 đến 08 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65, Điều 50, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt bổ sung từ 07 đến 08 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65, Điều 50, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt bổ sung từ 05 đến 07 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65, Điều 50, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức T1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt bổ sung từ 05 đến 07 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65, Điều 50, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt bổ sung từ 05 đến 07 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đình L từ 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 20.000.000 đến 25.000.000 đồng

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.700.000 đồng

là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội; tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài T1 lơ lơ 52 quân, 01 chiếu tre kích thước (1,95 x 1,57)m đã qua sử dụng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 35 phút ngày 29/7/2023 tại gian nhà thờ của gia đình chị Vũ Thị Thuý H ở thôn THB, xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình, Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức

T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày bị tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Hành vi trên của các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, thì: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh bởi đánh bạc là tệ nạn xã hội. Hành vi đó không chỉ ảnh hưởng về mặt kinh tế của nhiều cá nhân, gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả do mình thực hiện nhưng chỉ vì sự ham vui, ham muốn vật chất nhất thời mà các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước, các bị cáo đều tham gia đánh bạc ngay từ đầu nhưng để có hình phạt phù hợp, cần phân hóa vai trò từng bị cáo trong vụ án, như sau: Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T sử dụng số tiền đánh bạc lần lượt là 1.700.000 đồng, 1.500.000 đồng, 1.200.000 đồng, do đó, xác định các bị cáo S, D, T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G,

Nguyễn Quang D sử dụng số tiền đánh bạc lần lượt là 1.000.000 đồng, 1.000.000 đồng, 700.000 đồng, 600.000 đồng, do đó, xác định các bị cáo T1, Luật, G, D giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

[6.1] Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đều không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo S, D, T, L, D, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, G cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tuy nhiên, về nhân thân các bị cáo đều đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo G, D đều có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

[7.1] Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Trần Đức T1, Nguyễn Văn G tuy đã bị xử phạt hành chính về hành vi liên quan đến đánh bạc nhưng đều đã được xoá. Các bị cáo S, D, T, T1, G đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị

cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách phù hợp, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[7.2] Các bị cáo Vũ Đình L, Nguyễn Quang D đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo S, D, T, T1, G, mỗi bị cáo với mức 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng, tài sản: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[9.1] Số tiền 7.700.000 đồng cơ quan điều tra đã quản lý và được niêm phong trong 01 phong bì thư kích thước (23x16x0,1)cm, là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9.2] 01 bộ bài T1 lơ khơ 52 quân và 01 chiếu tre kích thước (1,95x1,57)m (đều đã qua sử dụng) là tài sản có tại gian nhà thờ của nhà chị Vũ Thị Thuý H, quá trình điều tra xác định công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với chị Vũ Thị Thuý H là chủ nhà nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc. Quá trình điều tra xác định chị H không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đình S 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt tiền bị cáo Vũ Đình S 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn D 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt tiền bị cáo Nguyễn Minh T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức T1 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt tiền bị cáo Trần Đức T1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo Vũ Đình L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 65, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2023). Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn G 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Quang D 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2.8. Giao các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Nguyễn Văn G cho Ủy ban nhân dân xã HL, huyện V, tỉnh Thái Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 phong bì thư kích thước (23x16x0,1)cm.

3.2. Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) bộ bài T1 lơ khơ 52 quân và 01 (một) chiếu tre kích thước (1,95x1,57)m (đều đã qua sử dụng).

(Toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/11/2023)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Các bị cáo Vũ Đình S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh T, Trần Đức T1, Vũ Đình L, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quang D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2023).

5.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Thuý H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy D

Thái Bình;

- Lưu: Hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy D